**Các tài khoản Công ty Silmaril**

**Ngày 31/12/2012**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Nợ | Có |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1,430 |  |
| Khoản phải thu | 2,000 |  |
| Hàng tồn kho | 1,800 |  |
| TSCĐ (máy móc thiết bị) | 4,500 |  |
| Khấu hao tích lũy |  | 900 |
| Khoản phải trả |  | 1,500 |
| Lãi vay phải trả |  | 20 |
| Thuế phải trả nhà nước |  | 50 |
| Nợ dài hạn |  | 2,000 |
| Vốn cổ phần  |  | 1,450 |
| Lợi nhuận giữ lại |  | 2,560 |
| Doanh thu |  | 13,500 |
| Lãi từ việc bán TSCĐ |  | 100 |
| Giá vốn hàng bán | 8,000 |  |
| Chi phí khấu hao | 500 |  |
| Chi phí lãi vay | 200 |  |
| Chi phí thuế trong kỳ | 450 |  |
| Các chi phí kinh doanh khác | 3,200 |  |
| **Tổng cộng** | **22,080** | **22,080** |

**Báo cáo thu nhập công ty Silmaril**

Doanh thu 13,500

Giá vốn hàng bán 8,000

Lãi gộp 5,500

Các chi phí hoạt động khác 3,200

Chi phí khấu hao 500

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh 1,800

Chi phí lãi vay (200)

Lợi nhuận từ việc bán TSCĐ 100

Lợi nhuận trước thuế 1,700

Thuế thu nhập doanh nghiệp 450

Lãi ròng 1,250

**Bảng cân đối công ty Silmaril**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | đầu kỳ | cuối kỳ |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 300 | 1,430 |
| Khoản phải thu | 2,500 | 2,000 |
| Hàng tồn kho | 1,900 | 1,800 |
| TSCĐ (máy móc thiết bị) | 4,000 | 4,500 |
| Khấu hao tích lũy | 1,200 | 900 |
| **Tổng tài sản** | **7,500** | **8,830** |
| Khoản phải trả | 1,700 | 1,500 |
| Lãi vay phải trả |  | 20 |
| Thuế phải trả nhà nước | 40 | 50 |
| Nợ dài hạn | 2,200 | 2,000 |
| Vốn cổ phần  | 1,000 | 1,450 |
| Lợi nhuận giữ lại | 2,560 | 3,810 |
| **Tổng Nợ và vốn chủ** | **7,500** | **8,830** |



Hoạt động kinh doanh:

 Nhận tiền từ Khoản phải thu (2) 14,000

 Trả tiền mua hàng tồn kho (5) 8,100

 Trả tiền cho các chi phí khác (13) 3,200

 Trả tiền lãi vay (11) 180

 Trả tiền thuế thu nhập (15) 440 (11,920)

Dòng tiền ròng từ hoạt động kinh doanh 2,080

Hoạt động đầu tư:

 Bán TSCĐ (7) 500

 Mua máy móc thiết bị (6) (1,700)

Dòng tiền ròng từ hoạt động đầu tư (1,200)

Hoạt động tài chính:

 Phát hành cổ phiếu (9) 450

 Trả nợ vay dài hạn (8) (200)

Dòng tiền ròng từ hoạt động tài chính 250

Dòng tiền ròng của doanh nghiệp (tăng/giảm trong tài khoản tiền) 1,130

Số dư đầu kỳ của tài khoản Tiền mặt 300

Số dư cuối kỳ của tài khoản Tiền mặt 1,430

Lập Báo cáo ngân lưu với các nghiệp vụ kinh tế sau:

1. Vay ngân hàng $10,000 2. Mua hàng tồn kho $3,800

3. Bán hàng tồn kho giá vốn $3,200, thu về $7,100 tiền mặt 4. Trả lương nhân viên $1,700

5. Mua máy móc thiết bị $5,700 6. Trả các chi phí hoạt động khác $1,100.

Sáu bước để xây dựng Báo cáo ngân lưu

Từ thông tin của bảng cân đối và báo cáo thu nhập, ta có thể xây dựng Báo cáo ngân lưu theo sáu bước như sau:

Bước 1. Tìm ra sự thay đổi của tồn quỹ tiền mặt trong kỳ. Báo cáo ngân lưu dùng để giải thích sự thay đổi của tồn quỹ tiền mặt (giá trị tiền mặt của doanh nghiệp đầu kỳ và cuối kỳ).

Bước 2. Chuyển đổi báo cáo thu nhập từ kế toán phát sinh sang kế toán tiền mặt. Phần này được thực hiện bằng 3 bước.

1. Loại bỏ các chi phí không bằng tiền trong báo cáo thu nhập (chẳng hạn như chi phí khấu hao).

2. Loại bỏ trong báo cáo thu nhập những hoạt động không phải là hoạt động kinh doanh (chẳng hạn như lãi/lỗ do việc bán TSCĐ).

3. Xác định những tài khoản trong phần tài sản ngắn hạn, nợ ngắn hạn có liên quan đến các tài khoản trong báo cáo thu nhập, sau đó, điều chỉnh những thông tin trên báo cáo thu nhập cho phù hợp với sự thay đổi của tài sàn ngắn hạn, nợ ngắn hạn này. Cho ví dụ, Doanh thu sẽ được điều chỉnh dựa theo số dư đầu kỳ và cuối kỳ của Khoản phải thu để xác định doanh thu bằng tiền của doanh nghiệp trong kỳ. Dòng tiền nhận được là dòng tiền trong hoạt động kinh doanh.

Bước 3. Phân tích tài sản dài hạn để xác định dòng tiền trong hoạt động đầu tư. Những thay đổi trong tài sản dài hạn sẽ cho thấy được lượng tiền ra hay vào của doanh nghiệp.

Bước 4. Phân tích nợ dài hạn và vốn chủ sở hữu để xác định dòng tiền trong hoạt động tài chính. Các nghiệp vụ trong phần này có thể là vay nợ, phát hành hay mua lại cổ phiếu hoặc trả cổ tức.

Bước 5. Chuẩn bị Báo cáo ngân lưu bằng cách phân loại các dòng tiền vào, dòng tiền ra ứng với mỗi hoạt động: kinh doanh, đầu tư và tài chính và tính dòng tiền cho mỗi hoạt động. Tổng ba dòng ngân lưu sẽ cho ngân lưu ròng. Lấy dòng ngân lưu ròng cộng với số dư đầu kỳ của Tiền mặt sẽ cho số dư cuối kỳ của Tiền mặt.

Bước 6. Ghi nhận các nghiệp vụ thuộc hoạt động đầu tư hay tài chính không liên quan đến tiền vào ghi chú trong Báo cáo ngân lưu. Chẳng hạn như nghiệp vụ mua đất bằng cách trao đổi cổ phiếu của doanh nghiệp.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Kế toán thực tế phát sinh | ± | Điều chỉnh | = | Kế toán tiền mặt |
| Doanh thu thuần | + | Số dư đầu kỳ Khoản phải thu | = | Tiền nhận được từ khách hàng |
|  |  | Số dư cuối kỳ Khoản phải thu |
| Doanh thu khác (ví dụ như lãi vay) |  |  |  |  |
| Thu lãi cho vay | + | Số dư đầu kỳ lãi vay phải thu | = | Tiền nhận được từ khách hàng |
|  |  | Số dư cuối kỳ lãi vay phải thu |
| Giá vốn hàng bán | + | Số dư cuối kỳ Hàng tồn kho | = | Tiền trả cho nhà cung cấp |
|  |  | Số dư đầu kỳ Hàng tồn kho |
|  | + | Số dư đầu kỳ Khoản phải trả |
|  |  | Số dư cuối kỳ Khoản phải trả |
| Chi phí hoạt động (ví dụ tiền lương nhân viên) |  |  |  |  |
| Chi phí lương nhân viên | + | Số dư đầu kỳ Khoản phải trả CNV | = | Tiền trả lương CNV |
|  |  | Số dư cuối kỳ Khoản phải trả CNV |
| Thuế thu nhập | + | Số dư đầu kỳ Thuế phải trả  | = | Tiền trả thuế thu nhập |
|  |  | Số dư cuối kỳ Thuế phải trả  |
|  |  |  |  | Dòng tiền ròng từ hoạt động KD |

Bài tập thực hành

Công ty Lathrop có các thông tin sau:

Doanh thu $8,000

Giá vốn hàng bán (5,200)

Chi phí khấu hao (700)

Chi phí lương nhân viên (1,100)

Lãi ròng 1,000

Thay đổi trong Khoản phải thu: tăng $300, Hàng tồn kho: giảm $80, Khoản phải trả: tăng $150, Phải trả CNV: giảm $130.

Lập bảng tính để chuẩn bị cho phần hoạt động kinh doanh trong Báo cáo ngân lưu.

***Giải***.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Báo cáo thu nhập | Điều chỉnh | Dòng tiền hoạt động KD |
| Doanh thu | $8,000 |  |  |  |
| Giá vốn hàng bán | (5,200) |  |  |  |
| Chi phí khấu hao | (700) |  |  |  |
| Chi phí lương | (1,100) |  |  |  |
| Lãi ròng | $1,000 |  |  |  |

Bài 1. Xác định dòng tiền

Bạn có thông tin về công ty Russia Imports như sau. Số dư tiền mặt đầu kỳ là $105,000.

Các luồng tiền vào:

Tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu $50,000

Tiền nhận từ khách hàng 252,300

Tiền nhận từ lãi vay gởi ngân hàng 4,600

Tiền nhận được do vay ngân hàng 25,000

 Tổng các dòng tiền vào $331,900

Các luồng tiền ra:

Tiền trả lương nhân viên $134,600

Tiền trả cổ tức 5,500

Tiền trả lãi vay 7,200

Tiền trả nợ vay 10,000

Tiền trả thuế thu nhập 23,500

Tiền trả các chi phí hoạt động trong kỳ 128,100

Tiền trả mua sắm máy móc thiết bị 15,000

 Tổng dòng tiền ra $323,900

***Yêu cầu***.

1. Từ thông tin trên, xác định dòng tiền nào là của hoạt động kinh doanh, đầu tư hay tài chính. Lập báo cáo ngân lưu.

2. Xác định số dư cuối kỳ của tài khoản Tiền mặt.

Bài 2. Xây dựng Báo cáo ngân lưu

Ta có thông tin về Bảng cân đối kế toán và Báo cáo thu nhập của công ty Snow vào ngày 31/12/2011 và 2012 như sau

Công ty Snow

Báo cáo thu nhập

Ngày 31/12/2012 và 2011

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | 2012 | 2011 |
| Doanh thu thuần | $600,000 | $575,000 |
| Giá vốn hàng bán | 500,000 | 460,000 |
| Lãi gộp | $100,000 | $115,000 |
| Chi phí kinh doanh | 66,000 | 60,000 |
| EBIT | $34,000 | $55,000 |
| Chi phí lãi vay | 4,000 | 3,000 |
| Lợi nhuận trước thuế | $30,000 | $52,000 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 12,000 | 21,000 |
| Lãi ròng | $18,000 | $31,000 |

Công ty Snow

Bảng cân đối kế toán

Ngày 31/12/2012 và 2011

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tài sản** | 2012 | 2011 |
| Tài sản ngắn hạn |  |  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | $11,000 | $13,000 |
| Khoản phải thu | 92,000 | 77,000 |
| Hàng tồn kho | 103,000 | 92,000 |
| Chi phí trả trước | 6,000 | 5,000 |
| Tổng tài sản ngắn hạn | $212,000 | $187,000 |
| Tài sản dài hạn |  |  |
| Đất đai | $69,000 | $66,000 |
| Máy móc thiết bị | 172,000 |  156,000 |
| Khấu hao tích lũy của máy móc thiết bị | (113,000) | (102,000) |
| Tổng tài sản dài hạn | $128,000 | $120,000 |
| Tổng tài sản | $340,000 | $307,000 |
| **Nợ và Vốn chủ sở hữu** |  |  |
| Nợ ngắn hạn |  |  |
| Khoản phải trả | $66,000 | $78,000 |
| Cổ tức phải trả | 2,000 | 0 |
| Thuế phải trả nhà nước | 3,000 | 5,000 |
| Tổng nợ ngắn hạn | $71,000 | $83,000 |
| Nợ dài hạn | 75,000 | 42,000 |
| Tổng nợ | $146,000 | $125,000 |
| Vốn chủ sở hữu |  |  |
| Vốn cổ phần | $26,000 | $26,000 |
| Lợi nhuận giữ lại | 168,000 | 156,000 |
| Tổng Vốn chủ sở hữu | $194,000 | $182,000 |
| Tổng Nợ và Vốn chủ sở hữu | $340,000 | $307,000 |

Ngoài ra, ta còn có các thông tin như sau:

a. Công bố trả cổ tức trong năm 2012 là $6,000

b. Giá thị trường cổ phiếu công ty vào ngày 31/12/2012 là $14.50/Cổ phiếu

c. Công ty mua một thiết bị có giá trị $16,000 bằng $6,000 trả bằng tiền mặt, $10,000 còn lại công ty vay dài hạn

d. Công ty mua một miếng đất, trả bằng tiền mặt $3,000

e. Chi phí khấu hao $11,000 được tính trong phần chi phí hoạt động kinh doanh trong năm 2012

f. Chi phí lãi vay được trả hết, không thiếu nợ, cũng không trả trước.

***Yêu cầu.*** Phân tích các thông tin trên để xây dựng Báo cáo ngân lưu. Sử dụng (1) phương pháp gián tiếp và (2) phương pháp trực tiếp trong phần hoạt động kinh doanh của Báo cáo ngân lưu.